TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 05/2023/QĐST-DS	*TP. Thái Bình, ngày 24 tháng 4 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào điều 212 và điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 14 tháng 4 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 35/2022/TLST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Công ty TNHH Đ**;

Địa chỉ trụ sở: tổ x, xã P, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tô Quang Đ - Chức vụ: Giám đốc. Nơi cư trú: đường N, phường T, quận T, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị S, bà Vương Thị Hồng H, ông Hoàng Văn C, bà Phạm Thị N, bà Đặng Thị Mỹ L - Văn phòng Luật sư V – Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội;

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1979;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Á, xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình; Đăng ký KT3 tại: tổ x, xã P, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông **Nguyễn Bá K**, sinh năm 1964;

Nơi cư trú: đường L, tổ x, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình;

- Bà **Nguyễn Thị T**, năm sinh 1984;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Á, xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình; Đăng ký KT3 tại: tổ x, xã P, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Các đương sự đã thống nhất được việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án trước khi tiến hành hòa giải và đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể: Giấy chuyển nhượng số 28 ngày 06/9/2010 giữa công ty TNHH H nay là Công ty TNHH Đ) và ông Nguyễn Văn N là vô hiệu. Ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị T hoàn trả cho Công ty TNHH Đ diện tích 76,2m^2 đất nằm trong thửa đất số y, tổ x, xã P, thành phố T, tỉnh Thái Bình mà ông N và bà T đang quản lý, sử dụng và bàn giao toàn bộ các công trình xây dựng trên diện tích 76,2m^2 đất nêu trên cho Công ty TNHH Đ. Công ty TNHH Đ có trách nhiệm thanh toán cho ông N, bà T số tiền là 1.500.000.000 đồng (*Một tỷ năm trăm triệu đồng*).

(Ông N bà T đã nhận đủ số tiền 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng)).

2.2 Về án phí: Công ty TNHH Đ phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 4.525.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001286 ngày 08/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Công ty TNHH Đ được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 4.225.000 đồng *(Bốn triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng)*.

2.3 Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn nộp toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản và định giá tài sản. *(Đã nộp xong)*

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;

THẨM PHÁN

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Hương